

3. PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 10

PHÉP CỘNG

(2 tiết – SGK trang 54)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

– Nhận biết:

- Dấu cộng.
- Ý nghĩa của phép cộng: **gộp** lại.
- Hai thuật ngữ thể hiện ý nghĩa phép cộng: **và, thêm**.

– **Quan sát tranh, nói** được tình huống xuất hiện phép cộng, thao tác trên đồ dùng học tập thể hiện **gộp, viết** được phép cộng thích hợp.

– Làm quen tính chất giao hoán của phép cộng qua các trường hợp cụ thể.

2. Năng lực chú trọng: mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Mĩ thuật.

B. Thiết bị dạy học

– HS: 6 khối lập phương.

– GV: 7 khối lập phương (2 màu: 5 + 2).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

Có...

Và...

Có tất cả...

– 8 HS đứng trước lớp thành hai nhóm: bên trái 3 bạn, bên phải 5 bạn

(HS có thể đóng vai: HS ở các tỉnh thành gặp nhau,

Bò mẹ gặp bê con, trâu mẹ gặp nghé con, ...).

– GV ra hiệu lệnh, hai nhóm HS chạy lại, nhập làm một nhóm.

HS dưới lớp nói, ví dụ:

Có 3 bạn ở Thành phố Hồ Chí Minh

Và 5 bạn ở Long An

Có tất cả 8 bạn.

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Hình thành phép cộng ở tình huống dùng từ “và”

a) Giới thiệu phép cộng:

– HS (nhóm đôi) **quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng theo cấu trúc câu:

**“Có ...
và ...
Có tất cả”**

Vi dụ: **Có 3** bạn nữ

Và 2 bạn nam

Có tất cả 5 bạn.

– GV hướng dẫn HS dùng các khối lập phương thay số bạn, thực hiện thao tác **gộp** (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn)

Có 3 bạn nữ (đặt 3 khối lập phương bên trái)

Và 2 bạn nam (đặt 2 khối lập phương bên phải)

Có tất cả 5 bạn (hai tay gộp các khối lập phương thành một nhóm).

– GV giới thiệu phép cộng:

Có 3 bạn nữ **và 2** bạn nam, **có tất cả 5** bạn.

Ta **nói**: “gộp 3 và 2 được 5.”

Ta **viết**: $3 + 2 = 5$

Đây là phép tính cộng, **đọc** là: “ba cộng hai bằng năm”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

Gộp 3 và 2 được 5

Ba cộng hai bằng năm.

b) Viết dấu cộng, viết phép tính cộng:

– GV giới thiệu dấu +

GV hướng dẫn cách viết.

HS viết trên bảng con.

– GV hướng dẫn viết phép tính

$$3 + 2 = 5$$

HS viết trên bảng con.

c) Thực hành thành lập các phép cộng, viết phép cộng:

– **Thực hiện mẫu**

GV giúp HS **nhận biết** và **thực hiện** được các việc theo trình tự:

- **Quan sát tranh, nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng đồng thời thực hiện **thao tác gộp** các khối lập phương.

Ví dụ: **Có** 3 con bọ rùa màu đỏ (đặt 3 khối lập phương bên trái)
Và 1 con màu tím (đặt 1 khối lập phương bên phải)
Có tất cả 4 con (hai tay gộp các khối lập phương thành một nhóm).

Hoặc: **Có** 1 con bọ rùa màu tím **và** 3 con màu đỏ, **có tất cả** 4 con.

- Thành lập phép cộng:

HS **nói**: Gộp 3 và 1 được 4

Ba cộng một bằng bốn

HS **viết**: $3 + 1 = 4$ (hoặc $1 + 3 = 4$)

HS **đọc** đồng thanh: Ba cộng một bằng bốn.

- **Làm quen** tính chất giao hoán của phép cộng:

GV lưu ý HS: viết $3 + 1 = 4$ hay $1 + 3 = 4$ đều được ($3 + 1$ cũng giống $1 + 3$ vì đều có kết quả bằng 4).

– HS thực hành bài 1 theo trình tự mẫu.

– GV khái quát:

$3 + 2 = 5$ tức là **Gộp 3 và 2** được 5.

* **Thư giãn**

Có thể dùng trò chơi: **Nói** “câu chuyện” theo cấu trúc câu:

Có...

Thêm...

Có tất cả...

– 4 HS đứng trước lớp đang chơi chung một trò chơi nào đó (chơi xe lửa, chơi kéo – búa – bao...).

– GV ra hiệu lệnh, 2 HS chạy từ dưới lên chơi cùng.

HS dưới lớp nói, ví dụ:

Có 4 bạn

Thêm 2 bạn

Có tất cả 6 bạn.

2. Hình thành phép cộng ở tình huống dùng từ “thêm”

a) Giới thiệu phép cộng:

– HS (nhóm đôi) **quan sát** tranh, **nói** “câu chuyện” xảy ra phép cộng theo cấu trúc câu: “**Có** ... **thêm** ... **có tất cả** ...”

Ví dụ: **Có** 5 bạn

Thêm 1 bạn

Có tất cả 6 bạn.

– GV và HS dùng các khối lập phương thay số bạn, thực hiện thao tác **gộp** (GV gắn các khối lập phương trên bảng lớp, HS xếp trên bàn)

Có 5 bạn (đặt 5 khối lập phương bên trái)

Thêm 1 bạn (đặt 1 khối lập phương bên phải)

Có tất cả 6 bạn (tay phải gộp 1 khối lập phương vào nhóm 5 khối lập phương).

– GV giới thiệu phép cộng:

Có 5 bạn **thêm** 1 bạn, **có tất cả** 6 bạn.

Ta **nói**: 5 **thêm** 1 được 6, tức là **Gộp 5 và 1** được 6.

Ta **viết**: $5 + 1 = 6$

đọc là: “năm cộng một bằng sáu”.

HS **nói** và đọc trôi chảy:

5 **thêm** 1 được 6

năm cộng một bằng sáu.

– HS **viết** $5 + 1 = 6$.

b) Thực hành thành lập các phép cộng, viết phép cộng:

HS thực hành bài 2 theo trình tự trên.

* Mở rộng: giáo dục HS an toàn khi chơi dưới nước, khi bơi, khi chơi ở công viên nước,...

CỦNG CỐ

Dùng các khối lập phương thể hiện phép tính $6 + 3 = 9$.

Nói một “câu chuyện” phù hợp phép tính trên. Có thể tổ chức thi đua giữa các tổ:

Các tổ thảo luận

Mỗi tổ cử hai bạn lên thể hiện trên bảng lớp (bảng chia thành các khu vực cho các tổ):

- Xếp các khối lập phương, thể hiện thao tác gộp
- Nói một “câu chuyện” phù hợp

(Khuyến khích các tổ nói theo hai câu trúc: Có...và...có tất cả

Có...thêm...có tất cả).

HOẠT ĐỘNG Ở NHÀ

Em tập nói phép cộng.

Ví dụ:

Nhà có 2 nữ và 1 nam, có tất cả 3 người: $2 + 1 = 3$.

Có 3 cái chén, lấy thêm 2 cái chén, có tất cả 5 cái chén: $3 + 2 = 5$.

...